

PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN CỦA TRIẾT HỌC SO SÁNH ĐÔNG - TÂY: LỊCH SỬ VẤN ĐỀ VÀ TRIỂN VỌNG

NGUYỄN VŨ HẢO (*)

Triết học so sánh Đông - Tây với tư cách lĩnh vực chuyên ngành tập trung chủ yếu vào nghiên cứu so sánh giữa các nền triết học phương Đông và phương Tây xuất hiện vào những năm 20 của thế kỷ XIX ở châu Âu, sau đó là ở các quốc gia thuộc phương Đông. Kết quả chủ yếu mà triết học so sánh Đông - Tây đã đạt được là làm rõ những điểm tương đồng và dị biệt giữa các nền triết học này. Sự phát triển rộng rãi của chuyên ngành này đã dẫn đến sự hình thành môn triết học liên văn hoá vào thập kỷ cuối của thế kỷ XX. Phương pháp tiếp cận của triết học so sánh Đông - Tây chủ yếu tập trung vào những vấn đề, như nguồn tư liệu của các nền triết học, sự phát triển của mô hình so sánh, phương pháp so sánh các nền triết học, những đặc điểm và quy tắc của đối thoại triết học liên văn hoá.

Trong một cuốn sách nhan đề: *"Triết học hình thành trong các khu vực khác nhau trên trái đất như thế nào và tại sao?"*, xuất bản năm 1988, tập thể tác giả người Cộng hòa Dân chủ Đức đã đặt vấn đề xây dựng bản đồ triết học thế giới(1). Bên cạnh ba cái nôi lớn của triết học nhân loại, như Hy Lạp, Trung Quốc và Ấn Độ, các tác giả này còn đề cập tới một số địa danh triết học khác, như Nhật Bản, các nước Hồi giáo, các nước châu Phi, các nước Nam Mỹ, v.v.. Điều quan trọng mà họ muốn nhấn mạnh là đặc thù của tư duy triết học ngoài châu Âu và tính đa dạng của sự hình thành tư duy triết học nhân loại. Từ đó, các tác giả này đã đưa ra một danh mục các địa danh triết học thế giới với một sự chọn lựa khá chặt chẽ.

Từ cách nhìn nhận trên, có thể đặt ra những câu hỏi: *thứ nhất*, liệu bản đồ triết học thế giới này còn có thể mở rộng được nữa hay không một khi triết học được hiểu

khác với khái niệm triết học theo truyền thống của triết học Tây Âu, hoặc một khi bản đồ triết học thế giới được xem là gần gũi với bản đồ các nền văn hóa thế giới; *thứ hai*, trong ý nghĩa ấy, liệu triết học Việt Nam có chỗ đứng của mình trên bản đồ triết học thế giới hay không. Theo chúng tôi, vấn đề về khả năng mở rộng của bản đồ triết học thế giới và vị thế của triết học Việt Nam trên bản đồ triết học thế giới này, ở mức độ nào đó, có thể được luận giải từ *phương pháp tiếp cận của triết học so sánh*, một phương pháp tiếp cận có nhiều triển vọng, đang được áp dụng rộng rãi ở nhiều nước trên thế giới. Trong khuôn khổ của bài viết này, chúng tôi tập trung phân tích khái quát lịch sử vấn đề và triển vọng của phương pháp tiếp cận này.

(*) Tiến sĩ, Phó chủ nhiệm Khoa Triết học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

(1) Xem: R.Moritz, H.Ruestau und G.R.Hoffmann (Hrsg.). *Wie und Warum entstand Philosophie in verschiedenen Regionen der Erde*. Berlin, 1988.

Triết học nhân loại đã trải qua một lịch sử kéo dài suốt từ hơn hai ngàn năm trăm năm qua. Danh từ “triết học” có xuất xứ từ Tây Âu, từ thuật ngữ “philo-sophia” ở Hy Lạp cổ đại. Tất nhiên, không phải chỉ Hy Lạp mới là cội nguồn duy nhất, thực sự của triết học thế giới. Là sự kết tinh của tinh thần thời đại, các nền triết học được hình thành một cách tương đối độc lập với nhau và phát triển dưới những hình thức muôn hình muôn vẻ của mình ở nhiều nơi trên thế giới, đặc biệt là ở ba trung tâm lớn của triết học nhân loại từ thời Cổ đại, là Hy Lạp, Trung Quốc và Ấn Độ.

Tuy nhiên, khó khăn về khoảng cách địa lý và hạn chế về phương tiện đi lại, phương tiện giao tiếp giữa các cộng đồng văn hóa trên thế giới đã là những trở ngại đáng kể cho sự giao lưu giữa các nền văn hóa, giữa các nền triết học Đông - Tây. Quá trình giao lưu, so sánh, truyền bá, tiếp thu và học hỏi giữa các nền triết học khác nhau trong giai đoạn đầu tiên của nó chủ yếu chỉ dừng lại trong phạm vi các nền văn hóa lân cận và ở mức độ rất hạn chế. Quá trình này thường gắn liền với sự gia tăng các hoạt động buôn bán khu vực và quốc tế, với các cuộc chiến tranh mở rộng lãnh thổ và ảnh hưởng của các nước, với sự phát triển của giao thông hàng hải, với sự truyền bá của các tôn giáo (trước hết là Phật giáo, Kitô giáo và Hồi giáo) và đặc biệt, với quá trình thuộc địa hóa của các cường quốc phương Tây trong suốt nhiều thế kỷ.

Một trở ngại lớn khác cho sự giao lưu, so sánh giữa các nền triết học Đông - Tây chính là sự gia tăng rõ rệt của lối tư duy lấy mình, lấy cộng đồng văn hóa mình làm trung tâm mà một trong những biểu hiện rõ nhất của nó là thuyết lấy châu Âu làm trung tâm (Eurocentrism), nhất là từ thời

kỳ Khai sáng ở châu Âu. Các đại biểu của chủ thuyết này xem nền văn hóa Tây Âu là đỉnh cao của toàn bộ các quá trình phát triển lịch sử nhân loại trên trái đất. Coi các tư tưởng, các giá trị của nền văn minh phương Tây là có tính phổ quát, họ thường đề cao việc truyền bá những tư tưởng và giá trị này cho các dân tộc khác, các nền văn hóa khác, hoặc thậm chí biện minh cho chủ nghĩa thực dân phương Tây, cho công cuộc thuộc địa hóa, chinh phục các nước khác với chiêu bài “khai phá văn minh”. Họ coi các nền văn hóa khác ngoài châu Âu là không có khả năng tư duy triết học. Nhiều nhà tư tưởng phương Tây có xu hướng coi triết học chỉ là di sản của lịch sử tư tưởng phương Tây và đồng nhất lịch sử triết học nhân loại. Các nhà Khai sáng Anh, như Hium, Lócơ, các nhà Khai sáng Pháp, như Vôn-te, Đid-rô và các nhà Bách khoa toàn thư Đức, như Lesinh, Cantơ đã xem thời đại mình như đỉnh cao của toàn bộ quá trình phát triển lịch sử và coi nền văn hóa Tây Âu là tâm điểm cho tất cả các nền văn hóa khác. Chẳng hạn, trong bài giảng về *Địa vật lý*, trong các tác phẩm, như *Siêu hình học đạo đức*, *Tư tưởng về lịch sử đại cương theo mục tiêu công dân thế giới*, hay *Hướng đến một nền hòa bình vĩnh cửu*, Cantơ đã biện hộ cho những định kiến chủng tộc đối với những nền văn hóa khác, mặc dù ông là nhà tư tưởng của lý tính và tự do, người đã đưa ra những tuyên bố hùng hồn về quyền con người, về xã hội công dân thế giới, về nền hòa bình vĩnh cửu. Theo ông, người da màu là một con vật không có được bất cứ sự tinh tế nào của một nền giáo dục và con vật này thể hiện một cách truyền cảm “sự ác độc của bản chất con người”. Da màu còn được Cantơ gán cho ý nghĩa siêu hình học nhằm “phân

biệt loài người một cách rõ ràng theo các đẳng cấp khác nhau”(2).

Với lối tư duy cực đoan của thuyết lấy châu Âu làm trung tâm, nhiều đại biểu của triết học phương Tây dường như không sẵn sàng thừa nhận tư duy triết học trong các nền văn hóa khác ngoài châu Âu. Do vậy, trong suốt thời kỳ hình thành và phát triển của chủ nghĩa tư bản phương Tây kéo dài hàng trăm năm, họ đã không chủ trương thực hiện giao lưu văn hóa Đông – Tây trong lĩnh vực triết học trên tinh thần tôn trọng, học hỏi lẫn nhau giữa các nền văn hóa triết học khác nhau. Chính vì những nguyên nhân ấy mà cho đến đầu thế kỷ XIX, triết học so sánh chưa có được cơ sở hình thành và phát triển.

Vào những năm 20 của thế kỷ XIX, ở các trường đại học châu Âu đã bắt đầu xuất hiện những mầm mống đầu tiên cho môn triết học so sánh, lĩnh vực chuyên ngành tập trung chủ yếu vào nghiên cứu so sánh giữa các nền triết học thuộc các truyền thống khác biệt nhau, giữa nền triết học phương Tây và nền triết học phương Đông.

Cái mốc quan trọng đánh dấu sự nhận thức đúng đắn và tôn vinh triết học Ấn Độ ở Tây Âu là việc A.Slêgen “phát hiện” và dịch thuật tác phẩm *Bhagavad-Gita* ra tiếng La tinh vào năm 1823 tại Berlin. Trong một bài viết năm 1826 với nhan đề “Về sự kiện nổi tiếng của Mahabharata dưới tiêu đề *Bhagavad-Gita*”, V.Humbôn đã ca ngợi những tư tưởng triết học Ấn Độ được trình bày trong tác phẩm này. Bản thân ông cũng đã từng sử dụng một số đoạn trích từ kinh Vêda do H.Colobruco dịch ra tiếng Anh và được xuất bản năm 1798 tại Calcutta trong cuốn *Sự điều hành xã hội hoàng gia châu Á*. Những nỗ lực của

Slêgen và Humbôn đã mang đến cho các độc giả Đức và châu Âu một tinh thần cởi mở đối với tư tưởng Ấn Độ nói riêng, tư tưởng ngoài châu Âu nói chung.

Trong khi đó, bình luận về tác phẩm của người Ấn Độ - *Bhagavad-Gita* và về bài viết nói trên của Humbôn, Hêghen lại đưa ra những nhận xét khá dè dặt, thậm chí cả những đánh giá chưa đúng mức đối với những tư tưởng triết học Ấn Độ, khi cho rằng, chúng mới chỉ ở dạng nền tảng ban đầu hay tiền đề của triết học, bởi những lời giáo huấn riêng lẻ được đưa ra trong triết học Ấn Độ, chẳng hạn như trong thuyết Yoga, dường như chưa có tính hệ thống - một yêu cầu mà theo Hêghen là không thể thiếu được cho việc xây dựng một nền triết học đích thực(3). Trong quan niệm về lịch sử triết học, Hêghen cho rằng, mặc dù triết học đã có tiền lịch sử của nó ở Trung Quốc, Ấn Độ, Tiểu Á, v.v., nhưng lịch sử triết học chỉ bắt đầu thực sự ở các nhà tư tưởng cổ Hy Lạp, như Talét, Anaximandơ, Hêraclít, Parmênít, v.v., trong khu vực Địa Trung Hải và cuối cùng, đạt tới sự hoàn thiện của nó ở châu Âu, ở phía bắc của dãy núi Anpơ(4). Tuy vậy, với những sự kiện nói trên, đã xuất hiện cơ sở đầu tiên cho sự hình thành triết học so sánh Đông - Tây sau này. Các nền triết học ngoài châu Âu

(2) Xem: I.Kant. *Zum ewigen Frieden*, in: *Kants Werke*. Akademie-Textausgabe, Berlin, 1968, Bd VIII, tr. 341-368, 93.

(3) Xem: Hegel. *Ueber die unter dem Namen Bhagavad-Gita bekannte Episode des Mahabharata von Wilhelm von Humboldt*, in: G.W.F. Hegel: *Werke in zwanzig Bänden*, hrsg. von E. Moldenhauer und K.M. Michel, Bd. 11, Berliner Schriften 1818-1831, Frankfurt am Main, 1970, tr. 131-204.

(4) Xem: G.W.F.Hegel. *Vorlesungen über die Philosophie der Weltgeschichte*, Bd. 1, hrsg. von J Hoffmeister. Hamburg, 1966, p. 227.

đã dần thu hút sự quan tâm của các nhà tư tưởng phương Tây.

Việc nghiên cứu về các tư tưởng triết học ngoài châu Âu, như tư tưởng Ấn Độ, tư tưởng Trung Quốc, đặc biệt là Nho giáo và Lão giáo, và tư tưởng Nhật Bản được đẩy mạnh ở phương Tây trong suốt thế kỷ XIX và thế kỷ XX đã mang đến nhiều thành quả quan trọng cho sự phát triển của sự giao lưu giữa các nền văn hóa Đông - Tây và kích lệ sự hình thành của triết học so sánh Đông - Tây. Trong lĩnh vực nghiên cứu so sánh Đông - Tây, phải kể đến tên tuổi của các học giả phương Tây như M.Vêbor(5), P.Doisen, N.Duêđơblôm, F.Hailor, W.Ốttô, G.V.Đ. Liuvơ, H.V.Glasnáp, R.Vinhem, G.Mêsinh, M.Eliadơ, J.Legơ và J.Nitham, đặc biệt là M.Haidơgơ(6), v.v..

Tuy nhiên, ở nhiều học giả phương Tây vẫn ngự trị kiểu tư duy lấy mình làm trung tâm, lấy châu Âu làm trung tâm. Cũng như Cantơ và Hêghen, Huxéc đã bác bỏ mọi thứ triết học ở ngoài châu Âu. Đặc biệt, phải nhắc đến cách diễn đạt cực đoan của Haidơgơ mà theo đó, nói đến triết học châu Âu là thừa, là trùng lặp, bởi tư tưởng châu Âu đã chính là triết học và triết học cũng chính là châu Âu(7).

Đáng chú ý là, trong giai đoạn tiền lịch sử của triết học so sánh Đông - Tây thế kỷ XIX, sự giao lưu triết học Đông - Tây này lại không được thực hiện ở các khoa, bộ môn và viện nghiên cứu triết học, mà chủ yếu ở các khoa, các viện nghiên cứu Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản hay phương Đông, v.v.. Những nghiên cứu so sánh Đông - Tây này ban đầu thường có tính liên ngành, chứ không thuần túy về triết học được hiểu theo quan niệm của phương Tây, liên quan

không chỉ đến triết học, mà còn đến nhân học, xã hội học, tôn giáo học, sử học, dân tộc học, văn học, ngôn ngữ học, nghệ thuật, v.v.. Trong số các nghiên cứu so sánh này, phải kể đến những đóng góp của các nhà dân tộc học hay các nhà nhân học văn hóa, những người đã nỗ lực nghiên cứu và phân tích một cách khái quát những điểm tương đồng và khác biệt về phương thức tư duy giữa các dân tộc phương Tây và các dân tộc phương Đông.

Tuy vậy, ở giai đoạn này, việc giao lưu triết học Đông - Tây vẫn chưa thực sự chuyên sâu. Việc so sánh giữa các nền triết học phương Tây và triết học phương Đông chủ yếu vẫn dựa trên cơ sở phương pháp tiếp cận từ bên ngoài, chưa thực sự liên quan đến nội dung triết học sâu xa của chúng.

Chỉ đến cuối thế kỷ XIX, khi triết học Trung Quốc và Ấn Độ được đưa vào cuộc tranh luận với tư tưởng châu Âu, mới xuất hiện chính thức tên gọi môn triết học so sánh (Comparative Philosophy). Năm 1923, xuất hiện cuốn chuyên khảo đầu tiên *triết học so sánh (La Philosophie Comparée)* của nhà triết học Pháp

(5) Trong bài viết: "Đạo đức kinh tế của các tôn giáo thế giới", M. Vêbor đã phân tích so sánh khá chi tiết quan hệ giữa đạo đức Khổng giáo, đạo đức Lão giáo và đạo đức đạo Tin lành. Xem: M.Vêbor. *Đạo đức kinh tế của các tôn giáo thế giới*, trong: M.Weber. *Gesammelte Aufsätze zur Religionssoziologie*, Tübingen: Mohr, 1988, tr. 237-571.

(6) Xem: Y.C.Ting. *A Way toward the Confrontation between Heidegger and Lao Tzu. The Approach through Language*, Diss Phil Louvain-la-Neuve, 1990; và Cheng Chung-ying. *Remarks on Onto-Theo-Logical Formations of Language in Heidegger and Lao Tzu*, in: *Journal of Chinese Philosophy* 5, 1978, pp. 335-340.

(7) M.Heidegger. *Europa und die deutsche Philosophie* (1936), in: H.H.Gander. (Hrsg.). *Europa und die Philosophie*, Frankfurt am Main, 1993 (*Martin Heidegger-Gesellschaft, Schriftenreihe*, Bd. 2), pp. 31-35.

O.P.Masông-Ursen. Cuốn sách được dịch ra tiếng Anh vào năm 1926 và có một tầm ảnh hưởng rộng lớn. Khi so sánh các nền triết học Ấn Độ, Trung Quốc với triết học phương Tây, với phương pháp tiếp cận lịch sử, Masông-Ursen đã cố gắng tìm ra sự tương đồng và những yếu tố có thể so sánh được giữa những nền triết học của các truyền thống khác nhau.

Sự hình thành triết học so sánh Đông - Tây thế kỷ XX đã dần khẳng định vị thế của các nền triết học ngoài châu Âu, rằng triết học tuyệt nhiên không phải là việc riêng của Tây Âu; rằng Tây Âu không phải là trung tâm duy nhất của triết học nhân loại, có nhiệm vụ xuất khẩu triết học sang các nước khác, các châu lục khác trên thế giới.

Việc nghiên cứu so sánh giữa triết học phương Đông và phương Tây không chỉ được thực hiện bởi các học giả phương Tây, mà còn bởi các học giả phương Đông, bởi các nhà triết học Ấn Độ, như Xri Oirôbinô, Xri Radakrisnam, Raymônđơ Panika, Ram Átđa, hay bởi các nhà triết học Trung Quốc, như Wang Gung-Hsing, Lin Yutang, Fung Yu-lan và Liu Wu-chi. Các triết gia phương Đông này đã nghiên cứu so sánh một cách cơ bản nền triết học "bản địa" của dân tộc mình với truyền thống triết học Tây Âu, làm rõ những điểm tương đồng và dị biệt giữa chúng. Xri Radakrisnam cho rằng, không chỉ con người và cuộc sống của con người ở khắp mọi nơi là như nhau, cho dù có sự khác nhau về truyền thống và giá trị trong các nền văn hóa khác nhau, mà cả những nguyên tắc của kinh nghiệm con người nhằm tạo ra những dữ kiện cho sự phản tư triết học cũng đều giống nhau.

Triết học so sánh Đông - Tây ngày càng tìm được vị thế không dễ dàng có được của

mình ở cả phương Tây lẫn phương Đông. Nói về những đóng góp quan trọng cho sự phát triển của triết học so sánh Đông - Tây, trước hết phải kể đến các nhà triết học như P.O.Ingram, F.J.Strêngơ, R.E.Anlixon, R.T.Amơxơ, v.v.. Ở đây, cũng không thể không nhắc đến Viện Triết học Đông - Tây (The Institute of Philosophy East and West) với hơn một trăm cộng tác viên tại Honolulu (Hoa Kỳ), một viện chuyên nghiên cứu về triết học so sánh Đông - Tây với tư tưởng chiến lược được đưa ra từ năm 1939 là: *phát triển nền triết học thế giới trên cơ sở tổng hợp các nền triết học phương Đông và phương Tây*. Năm 1951, Tạp chí *Triết học Đông - Tây* (Philosophy East and West) của Trường Đại học Haoai đã ra mắt người đọc. Tạp chí này gắn liền với tên tuổi của các triết gia nổi tiếng, như O.T.Suzuki, S.Rátkhakrisnan, Husi, Vécxơchan, Calidơxơ, v.v.. Những cuộc hội thảo quốc tế về triết học so sánh Đông - Tây được tổ chức thường xuyên ở Honolulu.

Môn triết học so sánh phát triển mạnh mẽ không chỉ ở Mỹ. Năm 1973, ở Nhật Bản, Tạp chí *Triết học so sánh* đã được thành lập dưới sự chỉ đạo của nhà triết học H.Nakamura và từ tháng 12 năm 1999, đã xuất hiện một loạt sách chuyên đề về triết học so sánh với nhan đề *Triết học Kyoto* do các học trò của nhà triết học Kitaro Nishidas và các đại biểu của trường phái Kyoto xuất bản(8).

Ở Việt Nam, trong suốt thế kỷ XX, việc nghiên cứu triết học so sánh Đông - Tây cũng thu hút được sự quan tâm của nhiều học giả thuộc nhiều chuyên ngành khác

(8) Xem: R.Ohashi (hrsg.). *Philosophie der Kyoto-Schule. Texte und Einfuehrungen*. Muenchen/Freiburg, 1990.

nhau. Tuy nhiên, trên thực tế, việc nghiên cứu này mới chỉ dừng lại ở mức độ ban đầu với một số lượng chưa nhiều các công trình nghiên cứu, dịch thuật và bài viết chưa mang tính hệ thống, có liên quan trực tiếp hay gián tiếp đến lĩnh vực này. Trong số này, có thể kể đến một số sách và bài viết tiêu biểu, như cuốn *Những dị biệt giữa hai nền triết lý Đông - Tây* của tác giả Kim Định, xuất bản năm 1974; cuốn *Triết học Đông - Tây* do Nguyễn Như Diệm làm chủ biên (gồm các bài viết đã được đăng trên các tạp chí nước ngoài bàn về đối thoại triết học Đông - Tây và được dịch ra tiếng Việt), xuất bản năm 1996(9), cuốn *Minh triết trong tư tưởng phương Tây* của Nguyễn Thu Phong, xuất bản năm 2002. Đặc biệt, khi nói đến việc dịch thuật các công trình nghiên cứu về triết học so sánh Đông - Tây ở Việt Nam, không thể không nhắc đến nhà triết học Pháp - Phranxoa Juliên, học giả có số lượng công trình nghiên cứu triết học lớn nhất (gần 10 công trình) đã được dịch ra tiếng Việt. Trong số này, phải kể đến cuốn *Xác lập cơ sở cho đạo đức - đối thoại giữa Mạnh Tử và một số triết gia phái Khai sáng* do Hoàng Ngọc Hiến dịch năm 2002, cuốn *Minh triết phương Đông và triết học phương Tây* do Nguyên Ngọc dịch và giới thiệu năm 2003. Đó là những cuốn sách khá thịnh hành ở Việt Nam và đang được nhiều học giả, độc giả quan tâm. Trong những cuốn sách liên quan đến triết học so sánh này, Phranxoa Juliên đã cố gắng tìm hiểu tư tưởng Trung Quốc từ cách nhìn phương Tây và xem xét lại một cách có hệ thống tư tưởng Tây Âu từ cách nhìn Trung Quốc. Tháng 5 năm 2005, một cuộc Hội thảo khoa học dành riêng cho Phranxoa Juliên và các tác phẩm có liên quan đến

triết học so sánh của ông được tổ chức tại Huế với chủ đề "*François Jullien – từ khơi nguồn tư tưởng đến khai hóa giao lưu*". Hội thảo này đã thu hút được sự tham gia tích cực của Phranxoa Juliên và các học giả Việt Nam quan tâm đến triết học so sánh Đông - Tây.

Tháng 6 năm 2006, được sự tài trợ của quỹ Ford, Hội thảo quốc tế với chủ đề "*Triết học so sánh Đông - Tây và vai trò của triết học trong đời sống xã hội*" đã được tổ chức tại Viện Triết học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh. Một số giáo sư triết học trường Đại học Temple, Hoa Kỳ và các học giả Việt Nam đã tham gia và trình bày báo cáo tham luận tại Hội thảo này.

Ngoài ra, còn có thể kể đến một số bài viết riêng lẻ đề cập đến triết học so sánh Đông - Tây, chẳng hạn như bài viết của các tác giả Nguyễn Hùng Hậu, Hoàng Thị Thơ, Nguyên Ngọc, Lê Hữu Khóa, Trương Thi An Na, Hoàng Ngọc Hiến, Thái Thị Kim Lan, v.v. đăng trên một số tạp chí và sách chuyên luận. Nhìn chung, việc nghiên cứu về triết học so sánh Đông - Tây ở Việt Nam vẫn còn khá khiêm tốn.

Một trong những nguyên nhân cơ bản của tình trạng nghiên cứu còn khá khiêm tốn này là, việc nghiên cứu so sánh triết học Đông - Tây đòi hỏi các nhà nghiên cứu không những phải có trình độ uyên thâm cả về triết học phương Đông lẫn triết học phương Tây, mà còn phải biết một số ngoại ngữ phương Đông và phương Tây. Điều này đòi hỏi phải có sự đầu tư thích đáng cả về thời gian lẫn tài chính. Trong hoàn cảnh đặc thù của Việt Nam từ đầu thế kỷ XX

(9) Xem: Nguyễn Như Diệm (chủ biên). *Triết học Đông - Tây*. Viện Thông tin khoa học xã hội, Hà Nội, 1996.

cho đến nay, đòi hỏi này không dễ gì có thể đáp ứng được. Ngoài ra, để nghiên cứu so sánh triết học Đông - Tây, cần phải có sự hỗ trợ và hợp tác chặt chẽ của các nhà triết học quốc tế ở cả phương Đông lẫn phương Tây.

Sự phát triển của môn triết học so sánh Đông Tây đã tạo tiền đề quan trọng cho sự ra đời của môn triết học mới vào thập kỷ cuối của thế kỷ XX - đó là *triết học liên văn hóa* (the intercultural Philosophy), môn triết học phi địa danh, vượt lên trên các trào lưu triết học riêng biệt trong các nền văn hóa phương Đông hoặc phương Tây và cả triết học so sánh. Triết học liên văn hóa đã thể hiện được tính cởi mở đối với các giá trị phổ quát của nhân loại. Với tư cách là thành quả, là bước phát triển đặc biệt của triết học nhân loại trên cơ sở của triết học so sánh, triết học liên văn hóa hướng đến việc nghiên cứu mối quan hệ giữa các nền văn hóa từ giác độ triết học, thông qua các mô hình chú giải học phổ quát, không phụ thuộc vào tư duy triết học của các nền triết học thế giới ở châu Á, châu Âu, châu Phi hay châu Mỹ. Sự hình thành và phát triển của triết học liên văn hóa, kể từ thập kỷ cuối cùng của thế kỷ XX, gắn liền với tên tuổi của những học giả châu Âu (Đức, Hà Lan, Pháp và Áo), như H.Kimơơ, R.A.Malơ, F.H.Vimơ, H.Huynxơman, Đ.Sengơha, v.v..

Mặc dù đã đạt được thành quả nhất định, song triết học so sánh Đông - Tây trong thế kỷ XX vẫn gặp phải không ít khó khăn về phương diện lý luận và phương pháp tiếp cận. Ở đây, trong phạm vi của bài viết, chúng tôi chỉ giới thiệu một cách tóm tắt một số vấn đề chủ yếu của phương pháp tiếp cận, như nguồn tư liệu của các

nền triết học, sự phát triển mô hình so sánh, phương pháp so sánh các nền triết học, những đặc điểm và quy tắc của đối thoại triết học liên văn hóa.

Trước hết, về nguồn tư liệu của các nền triết học khác nhau. Luận điểm cho rằng chỉ có châu Âu mới có các văn bản triết học đã hoàn toàn không còn đứng vững được nữa, bởi trên thực tế, người ta có thể đưa ra nhiều văn bản cổ hay tác phẩm về triết học ở Trung Quốc, Ấn Độ, các nước Arập, Êtiôpia và ở Việt Nam hay nhiều nước khác. Mặt khác, nếu xuất phát từ quan niệm phương Tây về triết học, thì triết học so sánh, cho đến nay, vẫn chủ yếu tập trung vào các hình thức văn bản chứa đựng các tư tưởng triết học đã được lưu truyền, vì vậy nó đã không tính đến các tư liệu triết học truyền miệng, chẳng hạn như ở các dân tộc châu Á, châu Phi, châu Mỹ. Những nguồn tư liệu này, trong nhiều trường hợp, thậm chí còn tỏ ra không hề thua kém các văn bản triết học về trình độ, nội dung triết lý hay ý nghĩa của nó đối với cuộc sống hiện thực của các tộc người, các dân tộc, các nước trên thế giới.

Thứ hai, vấn đề xây dựng mô hình so sánh. Có thể đưa ra một số cách triết lý khác nhau, như triết lý có tính hệ thống (trong các hệ thống triết học của Arixtốt, Đêcátơ, Spinôda, Lépniét, Cantơ, Phíchơ, Sêlinh, Hêghen, v.v.); triết lý đối thoại (Xôcrát, Platon, Khổng Tử); triết lý châm ngôn (Nítơ, Adôơ hay Vitgênsơtein hậu kỳ); và triết lý kể chuyện (Camuy, J.P.Xácơơ hay ở triết học nhiều nước châu Phi, châu Á), v.v.. Các cách triết lý này phải được coi là có giá trị như nhau. Câu hỏi đặt ra ở đây là: từ nền tảng của triết học Trung Quốc, Ấn Độ và phương

Tây, liệu có thể phát triển một mô hình so sánh bao hàm tất cả các hình thức triết lý của con người hay không? Cố gắng trả lời câu hỏi này, một nhà Trung Quốc học và triết học người Bỉ - U.Liboréché đã đề xuất cách tiếp cận và mô hình so sánh dựa trên cơ sở thu thập những cách thức và khả năng triết lý về mặt hình thức(10).

Thứ ba, về cách thức so sánh các nền triết học, mà nổi bật là phương pháp tiếp cận từ bên ngoài, từ cách nhìn nhận không phải của người trong cuộc. Đặc trưng chủ yếu của phương pháp tiếp cận này là: 1) sự gắn kết giữa quan điểm dân tộc học với quan điểm thực dân; 2) lối xem xét và mô tả có tính chất kinh nghiệm; 3) việc hạn chế triết học so sánh chỉ ở sự mô tả lịch sử các nền văn hóa; và 4) sự không rõ ràng của các tiêu chuẩn lựa chọn. Ý thức được sự hạn chế của phương pháp tiếp cận từ bên ngoài, các học giả đã dần chuyển sang phương pháp tiếp cận mới phù hợp hơn – giao lưu giữa các nền triết học, các nền văn hóa khác nhau và giữa các nhà triết học Đông – Tây. Đó là phương pháp hoặc con đường đối thoại giữa các nền triết học thuộc về các nền văn hóa khác nhau. Về thực chất, đây là phương pháp đối thoại gắn liền với triết học liên văn hóa và có thể coi là phương pháp tiếp cận mới, phù hợp với bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay.

Thứ tư, về những đặc điểm và quy tắc của đối thoại triết học giữa các nền văn hóa. Một cuộc đối thoại giữa các nền triết học chỉ có thể thực hiện được, nếu thỏa mãn các điều kiện sau đây: 1) sự đồng hạng hay đồng cấp của các bên đối thoại, mặc dù quan điểm của họ có thể khác

nhau; 2) sự cởi mở của các cuộc đối thoại về kết quả đạt được; 3) phương tiện và phương pháp đạt được sự cảm thông không chỉ ở vấn đề thảo luận hay vấn đề ngôn ngữ; 4) một bên đưa ra ý tưởng mới mà bên kia không có. Cùng với những đặc điểm này, đối thoại triết học giữa các nền văn hóa cần tôn trọng các quy tắc sau đây: 1) người đối thoại cần phải có mặt, bởi về mặt, cử chỉ, giọng nói đóng vai trò không nhỏ; 2) quy tắc lịch sự, tức là tôn trọng người đối thoại; 3) người đối thoại phải là người có thẩm quyền đối thoại, tức là người có đủ điều kiện về tri thức và thực tế, đại biểu cho một nền văn hóa(11); 4) tinh thần dân chủ, tránh sử dụng các vị thế quyền lực dựa trên sức mạnh, địa vị, khả năng tài chính, giới tính, tuổi đời, tôn giáo, v.v..

Tóm lại, phương pháp tiếp cận của triết học so sánh là một lĩnh vực nghiên cứu rất rộng. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi mới chỉ đưa ra một số phân tích ban đầu về phương pháp tiếp cận. Hướng nghiên cứu đầy triển vọng này đòi hỏi sự hợp tác chặt chẽ của nhiều học giả. Đối với giới triết học Việt Nam, điều quan trọng nhất là phải nhận thức đúng vai trò và ý nghĩa lớn lao của triết học so sánh Đông - Tây. Phương pháp tiếp cận của triết học so sánh Đông - Tây có thể mang đến một cách nhìn mới trong việc nhận thức lại vị thế của triết học Việt Nam trên bản đồ triết học thế giới.□

(10) Xem: Libbrecht. *Inleiding: Comparatieve Filosofie*. Assen, 1995, pp. 13-14.

(11) Xem: M.Buber. *Das dialogische Prinzip*, Heidelberg, 1984.